ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 138 /2016/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 20 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 95
Ngày 6 Tháng 1 Năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biên giới Quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tại Tờ trình số 2305^{B}/TTr- BCH ngày 18 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai

Việc xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai được thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 94/2016/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 400m (tính từ đường biên giới), gồm các xã: Tả Ngải Chồ, Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu (huyện Mường Khương); Si Ma Cai, Nàn Sán (huyện Si Ma Cai).

2. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 300m (tính từ đường biên giới), gồm các xã: Y Tý, Ngải Thầu, A Lù (huyện Bát Xát); Lùng Vai, Nậm Chảy, Tung Chung Phố, thị trấn Mường Khương (huyện Mường Khương).

3. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 200m (tính từ đường biên giới), gồm các xã: A Mú Sung, Nậm Chạc, Trịnh Tường, Cốc Mì, Bản Vược, Bản Qua, Quang Kim (huyện Bát Xát); Sán Chải(huyện Si Ma Cai).

4. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 100m (tính từ đường biên giới), gồm các xã: Bản Phiệt (huyện Bảo Thắng); Bản Lầu (huyện Mường Khương); Xã Đồng Tuyển, phường Duyên Hải, phường Lào Cai (thành phố Lào Cai).

Điều 2. Số lượng, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai

1. Biển báo "KHU VỰC BIÊN GIỚI" được cắm tại 46 vị trí để xác lập khu vực biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai (phụ lục số I kèm theo).

2. Biển báo "VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI" được cắm tại 82 vị trí để xác lập phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai (phụ lục số II kèm theo).

Điều 3. Quy cách, chất liệu xây dựng các loại biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý hoạt động trong vành đai biên giới

1. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố biên giới:

a) Tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia; hoạt động trong vành đai biên giới tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật;

b) Lập dự toán kinh phí triển khai xây dựng các loại biển báo quy định tại Điều 2, Điều 3 Quyết định này gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì phối hợp với sở ngành có liên quan, chính quyền địa phương tổ chức thi công cắm biển báo "KHU VỰC BIÊN GIỚI", biển báo "VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI" trên thực địa đảm bảo đúng vị trí đã được xác định theo tọa độ quy định tại phụ lục số 1 và số 2 kèm theo quyết định này; thực hiện quản lý, sửa chữa hệ thống biển báo

đã cắm trên toàn tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai theo quy định của Nghị định 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ và Thông tư số 43/2015/TT-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 28/5/2015.

2. Các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể liên quan và Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố biên giới có trách nhiệm: Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý nhà nước về biên giới, hoạt động trong phạm vi vành đai biên giới; căn cứ chức năng, nhiệm vụ từng ngành, phối hợp chặt chẽ với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh quản lý chặt chẽ hoạt động trong vành đai biên giới theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của nhân dân

Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về họat động trong khu vực vành đai biên giới; khi phát hiện các biển báo bị xê dịch hoặc bị xâm hại phải báo cho Đồn Biên phòng hoặc chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước nơi gần nhất để kịp thời thông báo cho Bộ đội Biên phòng xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số: 239/2002/QĐ-UB ngày 12/6/2002 của UBND tỉnh Lào Cai về xác định khu vực biên giới, vành đai biên giới, tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc đoạn thuộc tỉnh Lào Cai.

2. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố biên giới có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao;
- Bộ Tư lệnh Bộ Đội Biên phòng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Như khoản 2 Điều 5 QĐ;
- Sở Tư pháp;
- Bộ chỉ huy BĐ Biên phòng tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT – TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Công báo Lào Cai;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT – NC, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

P.tô giới:
- T² HĐND; UBND huyện;
- Phòng Nội vụ; Công an huyện;
BCH Q.sự; Đồn Biên Phòng;
VT-HT;
- VT

Phụ lục I

VỊ TRÍ CẮM BIỂN BÁO "KHU VỰC BIÊN GIỚI"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 138/2016/QĐ- UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

S TT	TÊN BIỂN	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ (múi chiếu 6 độ, KTT 105 độ)		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
		Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
A	HUYỆN BÁT XÁT					
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG Y TÝ						
I	**Xã Y Tý**					
1	KVBG	22^{0}37'43,3"	103^{0}37'36,0"	0308558846	Giáp ranh xã Y Tý - xã Dền Sáng	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG BÁT XÁT						
II	**Xã bản Vược**					
2	KVBG	22^{0}34'25,6"	103^{0}49'06,8"	9681978541	Tỉnh lộ 158, giáp xã Mường Vi	
III	**Xã Bản Qua**					
3	KVBG	22^{0}33'02,6"	103^{0}52'44,0"	9421984725	Tỉnh lộ 156 giáp TT Bát Xát	
4	KVBG	22^{0}31'45,2"	103^{0}53'55,3"	9182486745	Tỉnh lộ 156 giáp TT Bát Xát	
5	KVBG	22^{0}32'33,7"	103^{0}53'42,9"	9331886402	Đường từ TT Bát Xát ra đường Kim Thành- Ngòi	
IV	**Xã Quang Kim**					
6	KVBG	22^{0}29'40,6"	103^{0}53'50,4"	8799486577	Đường liên xã Quang Kim- Phìn Ngan	
7	KVBG	22^{0}29'24,7"	103^{0}53'05,7"	8751385295	Đường liên xã Quang Kim- Phìn Ngan	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU QUỐC TẾ LÀO CAI						
B	THÀNH PHỐ LÀO CAI					
V	**Xã Đồng Tuyển**					
8	KVBG	22^{0}27'53,6"	103^{0}57'43,8"	8465693223	QL 4E giáp xã Cốc San	
9	KVBG	22^{0}28'07,7"	103^{0}57'48,5"	8563393599	Đường khu mỏ Apatit giáp phường Bắc Cường	
10	KVBG	22^{0}28'25,5"	103^{0}57'56,7"	8508993359	Đường nội thị giáp phường Bắc Cường	
11	KVBG	22^{0}28'34,8"	103^{0}57'51,3"	8592193445	Đường cao tốc giáp phường Bắc Cường	
12	KVBG	22^{0}28'30,0"	103^{0}58'05,5"	8577193850	QL 4E giáp phường Kim Tân	
VI	**Phường Duyên Hải**					
13	KVBG	22^{0}29'21,7"	103^{0}57'49,8"	8736393414	Ngã ba Đường Điện Biên- Nhạc Sơn	
14	KVBG	22^{0}29'26,6"	103^{0}57'49,8"	8751593413	Điểm giao đường Ngô Tất Tố- Nhạc Sơn	
15	KVBG	22^{0}29'31,4"	103^{0}57'47,4"	8766093345	Điểm giao đường Nguyễn Khuyến- Nhạc Sơn	
16	KVBG	22^{0}29'45,8"	103^{0}57'45,7"	8810693299	Điểm giao đường Lương Khánh Thiện- Nhạc Sơn	
17	KVBG	22^{0}29'48,6"	103^{0}57'47,7"	8836393431	Điểm giao đường Lê Văn Hưu- Nhạc Sơn	
18	KVBG	22^{0}29'54,2"	103^{0}57'50,2"	8819193359	Điểm giao đường Lê Hồng Phong- Nhạc Sơn	
19	KVBG	22^{0}30'02,7"	103^{0}57'55,9"	8862493596	Điểm giao đường Duyên Hà- Nhạc Sơn	
20	KVBG	22^{0}30'06,8"	103^{0}57'58,6"	8874793675	Điểm giao đường Thanh niên- Nhạc Sơn	
21	KVBG	22^{0}30'09,0"	103^{0}58'02,1"	8881593773	Điểm giao đầu cầu Cốc Lếu - đường Thủy Hoa	
VII	**Phường Lào Cai**					
22	KVBG	22^{0}30'09,1"	103^{0}58'12,5"	8881694072	Bờ sông Hồng giáp phường Phố Mới	Biển trên sông
23	KVBG	22^{0}30'09,2"	103^{0}58'12,9"	8881894081	Đường kè sông Hồng giáp phường Phố Mới	
24	KVBG	22^{0}30'09,2"	103^{0}58'14,2"	8882094119	Đường Nguyễn Huệ giáp phường Phố Mới	
25	KVBG	22^{0}30'10,6"	103^{0}58'14,7"	8886194135	Đường Hoàng Diệu giáp phường Phố Mới	

G	HUYỆN BẢO THẮNG					
VIII	**Xã Bản Phiệt**					
26	KVBG	22^{0}30'57,6"	104^{0}02'16,6"	9026001055	QL 70 giáp xã Bản Cầm	
27	KVBG	22^{0}28'09,5"	104^{0}04'35,0"	8604102335	Tỉnh lộ giáp xã Thái Niên	
28	KVBG	22^{0}28'40,7"	104^{0}03'02,3"	8506604978	Tỉnh lộ giáp xã Vạn Hòa	
D	HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG					
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG BẢN LẦU						
IX	**Xã Bản Lầu**					
29	KVBG	22^{0}32'45,0"	104^{0}05'03,3"	9562205032	Đường liên xã đi xã Bản Sen- Bản Cầm	
30	KVBG	22^{0}33'52,8"	104^{0}04'34,6"	9353405838	Đường liên xã đi xã Bản Sen	
X	**Xã Lùng Vai**					
31	KVBG	22^{0}39'45,7"	104^{0}05'42,4"	0646407035	Đường QL 4D giáp xã Thanh Bình	
32	KVBG	22^{0}35'56,2"	104^{0}06'10,0	9940207780	Đường liên xã giáp ranh Bản Sen- La Pan Tẩn	
33	KVBG	22^{0}35'30,1"	104^{0}05'48,3"	9860307155	Đường liên xã đi xã Bản Sen	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG NẬM CHẢY						
XI	**Xã Nậm Chảy**					
34	KVBG	22^{0}43'09,1"	104^{0}05'21,0"	1272206462	Đường từ thôn Sả Lùng Phìn đi xã Thanh Bình	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG MƯỜNG KHƯƠNG						
XII	**Thị trấn Mường Khương**					
35	KVBG	22^{0}43'37,5"	104^{0}06'22,2"	1358608213	Quốc lộ 4D giáp xã Thanh Bình	
36	KVBG	22^{0}44'30,1"	104^{0}08'14,0"	1518511411	Đường tỉnh lộ 154 đi xã Nấm Lư	
XIII	**Xã Tung Chung Phố**					
37	KVBG	22^{0}45'54,0"	104^{0}09'38,8"	1576512473	Đường liên xã giáp xã Nấm Lư	
38	KVBG	22^{0}44'49,2"	104^{0}08'51,1"	1774913845	Đường liên xã giáp Xã Nấm Lư	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG TẢ GIA KHÂU						
XIV	**Xã Tả Gia Khâu**					
39	KVBG	22^{0}43'18,5"	104^{0}13'22,2"	1293320191	QL 4 giáp xã Bản Mế	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG SI MA CAI						
E	HUYỆN SI MA CAI					
XV	**Xã Nàn Sán**					
40	KVBG	22^{0}41'06,3"	104^{0}15'05,4"	0885323114	QL 4 giáp xã Bản Mế	
41	KVBG	22^{0}41'29,4"	104^{0}15'51,4"	0955724430	Đường liên xã giáp xã Mản Thẩn	
42	KVBG	22^{0}40'59,7"	104^{0}15'57,1"	0826623128	Đường liên xã giáp xã Mản Thẩn	
XVI	**Xã Si Ma Cai**					
43	KVBG	22^{0}41'02,1"	104^{0}15'49,2"	0860024548	Đường liên xã giáp xã Mản Thẩn	
XVII	**Xã Sán Chải**					
44	KVBG	22^{0}40'50,7"	104^{0}17'19,9"	0769830451	Đường liên xã giáp xã Cán Hồ	
45	KVBG	22^{0}39'57,2"	104^{0}18'39,3"	0835426950	QL 4 giáp xã Cán Cấu	
46	KVBG	22^{0}40'29,9"	104^{0}19'22,7"	0669929208	Đường từ xã Cán Cấu đi thôn Lù Dì Sán	

Phụ lục II

VỊ TRÍ BIỂN BÁO "VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 138/2016/QĐ- UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

S TT	TÊN BIỂN	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ		TỌA ĐỘ VN 2000 (MC6, KTT 105)	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
		Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
A	HUYỆN BÁT XÁT					
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG Y TÝ						
I	**Xã Y Tý**					
1	VĐBG	22^{0}35'34,9"	103^{0}33'18,4"	9874749092	Điểm tiếp giáp với tỉnh Lai Châu	Điểm đầu VĐ 300m
2	VĐBG	22^{0}36'59,3"	103^{0}33'18,4"	0178651500	Đường ra Mốc 85(2) thôn Hồng Ngài, Y Tý	
3	VĐBG	22^{0}37'50,2"	103^{0}33'46,4"	0334252314	Đường ra Mốc 85(2) thôn Hồng Ngài, Y Tý	
4	VĐBG	22^{0}38'32,6"	103^{0}34'25,8"	0463753450	Đường ra Mốc 85(2) thôn Sim San, Y Tý	
5	VĐBG	22^{0}38'48,1"	103^{0}34'35,8"	0511053741	Đường ra Mốc 85(2) thôn Sim San, Y Tý	
6	VĐBG	22^{0}40'28,2"	103^{0}34'39,2"	0818653868	Đường ra cửa khẩu Y Tý, thôn Lao Chải, Y Tý	
II	**Xã Ngải Thầu**					
7	VĐBG	22^{0}41'23,2"	103^{0}34'01,2"	0977053010	Đường thôn Chân Chu Lìn - Mốc 88(2)	
III	**Xã A Lù**					
8	VĐBG	22^{0}42'07,2"	103^{0}33'53,4"	1124552590	Đường từ thôn Séo Phìn Chư đi Mốc 89(2)	
9	VĐBG	22^{0}42'49,2"	103^{0}34'20,6"	1252953379	Đường từ thôn Khoa Sán Chải - Mốc 89(2)	
10	VĐBG	22^{0}43'14,5"	103^{0}34'36,7"	1330253846	Đường từ T.tâm xã A Lù đi Đường tuần tra	
11	VĐBG	22^{0}44'31,4"	103^{0}35'49,2"	1564855936	Đường tuần tra giáp xã A Mú Sung	Điểm cuối VĐ300m
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG A MÚ SUNG						
IV	**Xã A Mú Sung**					
12	VĐBG	22^{0}44'32,1"	103^{0}35'45,6"	1567155834	Đường tuần tra giáp xã A Lù	Điểm đầu VĐ 200m
13	VĐBG	22^{0}45'04,0"	103^{0}36'33,4"	1663957207	Đường tuần tra, thôn Pạc Tà	
14	VĐBG	22^{0}47'09,7"	103^{0}38'01,6"	2048159757	Đường tuần tra, thôn Lũng Pô 2	
15	VĐBG	22^{0}46'22,4"	103^{0}39'51,0"	1899962864	Điểm giao tỉnh lộ 156 - đường tuần tra	
16	VĐBG	22^{0}45'58,8"	103^{0}40'11,3"	1826563439	Điểm giao tỉnh lộ 156 đường đi thôn Tùng Sáng	
V	**Xã Nậm Chạc**					
17	VĐBG	22^{0}44'51,5"	103^{0}41'21,9"	1617865433	Tỉnh lộ 156, thôn Ngam Xá	
18	VĐBG	22^{0}44'08,7"	103^{0}42'37,3"	1484567573	Tỉnh lộ 156, thôn Ma Cò	
19	VĐBG	22^{0}43'49,5"	103^{0}42'59,5"	1424868199	Tỉnh lộ 156, thôn Cửa Suối	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG TRỊNH TƯỜNG						
VI	**Xã Trịnh Tường**					
20	VĐBG	22^{0}42'17,4"	103^{0}44'06,5"	1139870086	Điểm giao tỉnh lộ 156 - thôn Vỹ Lầu	
21	VĐBG	22^{0}41'47,1"	103^{0}44'40,5"	1045971050	Tỉnh lộ 156, thôn phố Trịnh Tường	
22	VĐBG	22^{0}41'34,1"	103^{0}44'51,9"	1005571370	Tỉnh lộ 156, thôn phố Trịnh Tường	

23	VĐBG	22°41'11,6"	103°45'17,5"	0936072097	Tỉnh lộ 156, điểm giao đường đi thôn Tân Tiến	
24	VĐBG	22°41'03,0"	103°45'49,3"	0908673002	Đường liên xã, đầu thôn Tân Tiến	
25	VĐBG	22°40'45,1"	103°46'16,8"	0852973782	Đường liên xã, cuối thôn Tân Tiến	
26	VĐBG	22°40'32,1"	103°46'26,1"	0812774044	Đường thôn Tân Hào ra biên giới	
VII	**Xã Cốc Mỳ**					
27	VĐBG	22°40'21,8"	103°46'39,2"	0780774415	Đường liên xã, đầu thôn Tân Giang	
28	VĐBG	22°39'13,9"	103°47'51,4"	0570376459	Đường liên xã đi bờ kè thôn Tân Giang	
29	VĐBG	22°38'49,7"	103°48'06,7"	0495376888	Đường liên xã cuối thôn Tân Giang	
30	VĐBG	22°38'12,3"	103°48'38,1"	0379777777	Đường từ thôn Bản Chang đi Mốc 96(2)	
31	VĐBG	22°37'33,7"	103°49'03,3"	0260578486	Đường từ khu tuyển Đồng đi thôn Bản Chang	
32	VĐBG	22°37'15,6"	103°49'07,8"	0204678610	Đường từ tỉnh lộ 156 đi thôn Bản Chang	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG BÁT XÁT						
VIII	**Xã bản Vược**					
33	VĐBG	22°36'27,8"	103°50'05,3"	0056380242	Đường từ thôn 3 đi bờ kè sông Hồng	
IX	**Xã Bản Qua**					
34	VĐBG	22°34'30,2"	103°52'04,3"	9692183612	Đường từ thôn Hải Khê ra biên giới	
35	VĐBG	22°33'41,2"	103°52'51,6"	9540484952	Đường từ thôn Bản Qua ra biên giới	
36	VĐBG	22°33'22,0"	103°54'00,5"	9479886914	Đường từ thôn Châu Giàng ra biên giới	
X	**Xã Quang Kim**					
37	VĐBG	22°32'15,7"	103°54'41,4"	9257288069	Đường từ thôn Làng Hang ra biên giới	
38	VĐBG	22°31'50,9"	103°55'08,1"	9198388826	Đường từ thôn An Quang ra biên giới	đường đi Làng Hang
39	VĐBG	22°32'06,6"	103°55'39,5"	9245889726	Đường từ thôn An Quang ra biên giới	Khu vực bến cũ
40	VĐBG	22°31'35,1"	103°55'45,3"	9149189884	Đường từ thôn An Quang ra biên giới	Đường ra Mốc 99(2)
41	VĐBG	22°31'35,6"	103°55'49,5"	9150590004	Điểm tiếp giáp CKQT Kim Thành	Điểm cuối VĐ200m
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU QUỐC TẾ LÀO CAI						
B	THÀNH PHỐ LÀO CAI					
XI	**Xã Đồng Tuyển**					
42	VĐBG	22°31'28,6"	103°56'39,6"	9127891435	Điểm tiếp giáp xã Quang Kim	Điểm đầu VĐ100m
43	VĐBG	22°31'02,1"	103°56'56,3"	9046291906	Đường D1, gần Mốc 100(2)	
XII	**Phường Duyên Hải**					
44	VĐBG	22°30'18,5"	103°57'43,8"	8962892536	Đường Công vụ ra biên giới	
45	VĐBG	22°30'35,2"	103°57'18,6"	8911093253	Điểm giao đường vào khu TM-CN Kim Thành ra biên giới	
XIII	**Phường Lào Cai**					
46	VĐBG	22°30'25,1"	103°58'14,1"	9127891435	Điểm giao QL 70 đi nhà máy nước	
47	VĐBG	22°30'31,9"	103°57'58,1"	9046291906	Đường Phan Bội Châu (đầu trạm Hội ngộ hội đàm)	
C	HUYỆN BẢO THẮNG					
XIV	**Xã Bản Phiệt**					
48	VĐBG	22°32'46,0"	104°00'55,9"	9360998773	Đường từ thôn Nậm Sò ra biên giới	
D	HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG					
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG BẢN LẦU						

XV	**Xã Bản Lầu**					
49	VĐBG	22°35'49,5"	104°01'15,8"	9924999378	Tỉnh lộ 154, thôn Pạc Bo	
50	VĐBG	22°36'44,4"	104°01'33,5"	0093499895	Điểm giao tỉnh lộ 154 đi thôn Na Lốc 3, 4	
51	VĐBG	22°37'22,8"	104°01'36,8"	0211499995	Điểm giao tỉnh lộ 154 đi thôn Na Lốc 2	
52	VĐBG	22°37'15,5"	104°01'27,2"	0189099719	Tỉnh lộ 154 giáp xã Lùng Vai	Điểm cuối VĐ100m
XVI	**Xã Lùng Vai**					
53	VĐBG	22°37'17,4"	104°01'33,9"	0194999912	Tỉnh lộ 154, giáp xã Bản Lầu	Điểm đầu VĐ300m
54	VĐBG	22°38'14,9"	104°01'58,7"	0371200631	Đường ra Mốc 112	
55	VĐBG	22°45'09,0"	104°04'06,5"	1642104358	Đường ra Mốc 117	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG NẬM CHẢY						
XVII	**Xã Nậm Chảy**					
56	VĐBG	22°41'32,5"	104°01'46,1"	0979100311	Đường ra Mốc 126	
57	VĐBG	22°41'53,1"	104°02'01,4"	1042100752	Đường ra Mốc 127	
58	VĐBG	22°42'55,2"	104°02'25,0"	1232701438	Đường ra Mốc 128	
59	VĐBG	22°44'22,7"	104°03'15,5"	1500802896	Đường ra Mốc 130	
60	VĐBG	22°45'14,7"	104°03'57,6"	1642104358	Đường ra Mốc 133	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG MƯỜNG KHƯƠNG						
XVIII	**Thị trấn Mường Khương**					
61	VĐBG	22°45'40,5"	104°04'47,5"	2197509093	Đường từ thôn Dê Chúa Thàng ra Mốc 136	
62	VĐBG	22°45'53,2"	104°05'11,9"	2157307979	Đường từ thôn Dê Chúa Thàng ra Mốc 137	
63	VĐBG	22°47'13,9"	104°05'43,5"	2024607150	Đường từ thôn Choán Ván ra Mốc 138	
64	VĐBG	22°47'57,2"	104°06'12,3"	1777006233	Đường từ thôn Chúng Trải B ra Mốc 139	
65	VĐBG	22°48'10,5"	104°06'51,3"	1738405535	Đường từ thôn Chúng Trải B ra Mốc 143	
XIX	**Xã Tung Chung Phố**					
66	VĐBG	22°48'37,8"	104°09'27,8"	2278913561	Đường từ thôn Séo Tủng ra Mốc 147	
67	VĐBG	22°48'32,3"	104°09'25,2"	2262113485	Đường từ thôn Séo Tủng ra Mốc 148	
68	VĐBG	22°49'07,2"	104°10'15,9"	2368414935	Giáp ranh xã Tả Ngài Chồ	Điểm cuối VĐ300m
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG PHA LONG						
XX	**Xã Tả Ngài Chồ**					
69	VĐBG	22°49'04,6"	104°10'12,6"	2360414842	Giáp ranh xã Tung Chung Phố	Điểm đầu VĐ400m
70	VĐBG	22°49'12,7"	104°11'32,0"	2338716889	Đường tuần tra, thôn Sín Chải A	
71	VĐBG	22°48'57,9"	104°11'24,5"	2384217107	Đường tuần tra, thôn Sín Chải B	
72	VĐBG	22°49'30,7"	104°13'15,7"	2437920065	Đường tuần tra, thôn Thàng Chư Pến	
XXI	**Xã Pha Long**					
73	VĐBG	22°50'10,3"	104°15'53,6"	2557324573	Đường công vụ thôn Tả Lùng Thắng ra Mốc 166	
74	VĐBG	22°49'38,2"	104°15'54,5"	2458724593	Đường công vụ thôn Tả Lùng Thắng ra Mốc 167	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG TẢ GIA KHÂU						
XXII	**Xã Dìn Chin**					
75	VĐBG	22°47'54,6"	104°15'24,0"	2140623708	Đường công vụ thôn Dìn Chin trên ra Mốc 168(2)	
76	VĐBG	22°46'32,7"	104°14'56,7"	1889122917	Đường từ thôn Lùng Sán Chồ ra biên giới	
XXIII	**Xã Tả Gia Khâu**					

77	VĐBG	22^{0}45'57,1"	104^{0}15'11,7"	1779423339	Đường công vụ thôn Lao Tô ra Mốc 169(2)	
78	VĐBG	22^{0}44'39,1"	104^{0}15'50,8"	1539024442	Đường công vụ thôn Thải Giàng Sán ra Mốc 170 (3)	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG SI MA CAI						
E	HUYỆN SI MA CAI					
XXIV	**Xã Si Ma Cai**					
79	VĐBG	22^{0}43'38,2"	104^{0}19'18,9"	1348930368	Giáp xã Sán Chải	Điểm cuối VĐ400m
XXV	**Xã Sán Chải**					
80	VĐBG	22^{0}43'44,8"	104^{0}19'20,6"	1369330419	Giáp xã Si Ma Cai	Điểm đầu VĐ200m
81	VĐBG	22^{0}43'14,1"	104^{0}19'50,5"	1274431267	Đường từ thôn Lù Dì Sán ra biên giới	
82	VĐBG	22^{0}42'44,6"	104^{0}20'17,7"	1174531942	Điểm tiếp giáp với tỉnh Hà Giang	Điểm cuối VĐ200m